

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2021/DS-ST**

Ngày: 29/9/2021

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Hoàng Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải, là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp về hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-DS ngày 09/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A Trụ sở tại: số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông T V T- Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ Q H- Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Tổ 04, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ; Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ Q H: Ông V T Đ- Chức vụ: Phó giám đốc. Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa);

*** Bị đơn:** Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P; Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố 24, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã V T, huyện K X, tỉnh T(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Điện Biên (sau đây gọi tắt là Agribank) có cho ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P; Đăng ký tạm trú tại: Tổ dân phố 24, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã V T, huyện K X, tỉnh T vay vốn theo hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 đã ký giữa Bên cho vay: Agribank chi nhánh huyện Điện Biên, bên vay vốn: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế chấp: Ngân hàng A và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế chấp: Ngân hàng A và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P.

- Số liệu cụ thể đến ngày 23/11/2020:

*** Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018**

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018: 499.560.000 đồng.

- Ngày đến hạn: 18/09/2020

- Lãi đọng tạm tính đến ngày 23/11/2020: 65.066.091 đồng, trong đó:

+ Lãi trong hạn: 63.081.426 đồng

+ Lãi quá hạn: 1.984.665 đồng

- Hiện đang phân loại nợ vào nhóm II theo quy định (nợ cần chú ý).

- Tài sản bảo đảm:

+ Đất ở 144 m² ; Thửa đất số 68 ; Tờ bản đồ 46 ; Địa chỉ thửa đất tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM123316. Số vào sổ cấp GCN: CS 42051 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 10/09/2018 mang tên ông Ng Văn K theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018.

+ Đất ở 120 m² ; Thửa đất số 69 ; Tờ bản đồ 46 ; Địa chỉ thửa đất tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM123315. Số vào sổ cấp GCN: CS 42050 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 10/09/2018 mang tên ông Ng Văn K theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018.

+ Giá trị định giá tại thời điểm vay vốn: 880.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi triệu đồng)

- Trong thời gian vay vốn ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P đã thanh toán số tiền vay cụ thể như sau (số liệu tính đến ngày 23/11/2020):

+ Số tiền gốc đã trả: 100.440.000đồng;

+ Số tiền lãi đã trả: 68.546.576đồng (cả lãi trong hạn + lãi quá hạn)

+ Dư nợ gốc còn lại: 499.560.000đồng

+ Dư nợ lãi đọng đến thời điểm: 23/11/2020: 65.066.091 đồng (lãi trong hạn: 63.081.426đồng; lãi quá hạn: 1.984.665đồng).

Hiện tại ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P đã vi phạm: khoản 2, Điều 9 của Hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể: Số tiền nợ gốc + lãi đã quá hạn kể từ ngày 19/09/2020 và bên vay vốn cố ý không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ngân hàng H đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu gia đình ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số: 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018, cụ thể:

- Giấy báo nợ đến hạn ngày 10/09/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Thông báo đòi nợ (lần 1) ngày 20/09/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Biên bản làm việc ngày 20/09/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Thông báo đòi nợ (lần 2) ngày 30/09/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Biên bản làm việc ngày 30/09/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Thông báo đòi nợ (lần 3) ngày 16/10/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Biên bản làm việc ngày 16/10/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn); Giấy báo nợ quá hạn ngày 12/11/2020 (Không gặp được khách hàng do khách hàng không ở trên địa bàn).

Tuy nhiên cho đến hiện nay ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi đã quá hạn cho Ngân hàng H. Cố tình trây ỳ, không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng H gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn cho Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng H.

Ngân hàng H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H theo Hợp đồng tín dụng số: 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 số tiền cụ thể tạm tính đến ngày 23/11/2020 như sau:

- **Tổng số tiền phải trả là: 564.626.091 đồng, trong đó:**

+ Số tiền gốc: 499.560.000 đồng

+ Số tiền lãi: 65.066.091 đồng (lãi trong hạn: 63.081.426đồng; lãi quá hạn: 1.984.665đồng).

2. Yêu cầu ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với số tiền gốc chưa trả, phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 24/11/2020 đến khi thi hành án xong, cụ thể:

- Lãi suất trong hạn là: 11%/năm

- Lãi suất quá hạn là: 16,5%/năm

3. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 để đảm bảo thi hành khoản nợ trên của ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P tại Ngân hàng H giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng H, bên thế chấp là ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P.

Tại phiên tòa Agribank chi nhánh huyện Điện Biên bổ sung yêu cầu khởi kiện sau: Văn bản số 6338/NHNo-TD ngày 14/7/2021 V/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến Covid-19 và văn bản số 539/NHNoHĐB ngày 29/9/2021 V/v tính giảm lãi cụ thể cho khách hàng.

2. Tại Biên bản làm việc ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình với ông Ng Văn Kh như sau:

Vợ chồng tôi có làm thủ tục vay tiền của ngân hàng Ngân hàng Avào tầm tháng 7 năm 2018 ngày tháng cụ thể theo hợp đồng vay tôi không nhớ. Tổng số tiền vợ chồng tôi vay là 600.000.000đồng, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi là Nghiêm Văn K. Thời hạn vay là 03 năm lãi suất là 0,7% đến 0,8 %/năm. Quy định trả nợ là theo niên hạn 03 năm, năm đầu tiên phải trả 100.000.000đồng cộng lãi, năm thứ 2 là 200.000.000 đồng cộng lãi, năm thứ 3 là 300.000.000đồng cộng lãi. Lãi hàng tháng tôi trả bằng hình thức chuyển khoản cho ngân hàng. Vợ chồng tôi đã trả được gốc số tiền là 100.000.000 đồng và tiền lãi. Từ năm thứ hai trở đi vợ chồng tôi chưa thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo như hợp đồng vay. Tính đến thời điểm 23/11/2020 vợ chồng tôi còn nợ theo như ngân hàng kê khai là 564.626.091 đồng trong đó bao gồm tiền gốc là 499.560.000đồng cộng tiền lãi là 65.066.091 đồng là đúng. Lý do vợ chồng tôi chưa thanh toán trả nợ cho ngân hàng theo đúng hợp đồng là do thời gian vừa qua dịch bệnh khiến vợ chồng làm ăn khó khăn, đất không bán được. Nhân viên ngân hàng có gọi điện cho tôi để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tôi có nói với ngân hàng là sẽ thanh toán tuy nhiên vợ chồng chưa lo được tiền. Vợ chồng tôi hiện đang tạm ở tại xã V T, huyện K X, tỉnh Tlên chưa kịp lên Điện Biên để bán đất trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng Ngân hàng H khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với số tiền gốc chưa trả theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/9/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/9/2018 đã ký với ngân hàng. Vợ chồng tôi xin được thời gian 02 tháng để chuẩn bị tiền, sau đó vợ chồng tôi sẽ thanh toán trả cho ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000đồng (tiền phải trả của năm thứ 2 theo hợp đồng) cộng tiền lãi 65.066.091 đồng. Số tiền còn lại vợ chồng sẽ thanh toán vào năm 2022.

Bà Phụng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí:

- Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 13.292.521 đồng

- Vợ chồng anh Ng Văn K và chị PhThị Pphải chịu 20.000.000 đồng + $(4\% \times 219.890.528 \text{ đồng}) = 28.795.621$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/3/2021 Agribank nộp đơn khởi kiện về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố 24, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Hiện nay tài sản thế chấp vay tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ); Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ngày 09/3/2021 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, ngày 10/3/2021 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố 24, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Hiện nay tài sản thế chấp vay tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ); Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã V T, huyện K X, tỉnh Tthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

1.3. Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177 BLTTDS, việc ông K và bà Pkhông thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 BLTTDS là do ông K và bà Pđã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đối chiếu với hồ sơ gốc tại phiên tòa:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Ngân hàng: Có đủ căn cứ để xác định giữa với ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P ký Hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 đã ký giữa bên cho vay: Ngân hàng H, bên vay vốn: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Hợp đồng được sự uỷ quyền của bà PhThị P ngày 17/9/2015, uỷ quyền được thực hiện tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc số công chứng: 4012a/2018. Quyền số 01-TP/CC-GUQ ngày 17/9/2015. Hợp đồng vay 600.000.000 đồng, sau khi đã trả. Hiện còn nợ tiền gốc: 499.560.000 đồng.

[2.2] Các Hợp đồng trên được thực hiện bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng H và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4012/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc; Địa chỉ mảnh đất trên tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng A và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4013/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc; Địa chỉ mảnh đất trên tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ.

Xét thấy các Hợp đồng trên đều được Ngân hàng, ông K, bà Phượng thoả thuận hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 317, 318, 463 Bộ luật dân sự, có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà P đã vi phạm nội dung đã thoả thuận trong các Hợp đồng, Ngân hàng H đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có biên bản làm việc yêu cầu ông K và bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng đã ký giữa hai bên, tuy nhiên ông K và bà P vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết dẫn đến (các khoản vay) chuyển sang nợ quá hạn. Tại khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018; Tại Hợp đồng tín dụng số: 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 đã ký giữa bên cho vay: Ngân hàng H, bên vay vốn: Ông K và bà P ghi rõ Ngân hàng (Bên A) có quyền: *“Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B (Khách hàng) cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng; hợp đồng bảo đảm tiền vay”* ghi rõ Ngân hàng (Bên A) có quyền: *“Xem xét quyết định tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong*

các trường hợp: Khi phát hiện bên B (Bên vay) có vi phạm quy định tại Điều 5 ; Điều 7; khoản 2 Điều 9 hợp đồng này". Vì vậy Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi trước thời hạn đã giao kết trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ theo lịch sử thanh toán nợ của ông K và bà P tại Ngân hàng thể hiện, tính đến thời điểm xét xử, ông K và bà P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 499.560.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 108.844.225 đồng và quá hạn là 11.486.303 đồng (Văn bản số 6338/NHNo-TD ngày 14/7/2021 áp dụng giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến Covid-19 và văn bản số 539/NHNoHĐB ngày 29/9/2021 V/v tính giảm lãi cụ thể cho khách hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K và bà P phải trả số tiền nợ gốc và lãi trên là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu ông K và bà P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận.

Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 đã ký giữa bên cho vay: Ngân hàng H, bên vay vốn: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P như sau: Lãi suất vay trong hạn: 11,%; lãi suất quá hạn 16,5%/năm (tại Văn bản số 6338/NHNo-TD ngày 14/7/2021 áp dụng giảm lãi như sau: Lãi suất vay trong hạn: 9,9%; lãi suất quá hạn 14,85%/năm) đối với số tiền nợ gốc quá hạn của các Hợp đồng tạm tính đến ngày xét xử 29/9/2021 và phải trả lãi nợ quá hạn với mức 14,85%/năm đối với số tiền gốc từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 468, điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi tiền nợ của Ngân hàng nhưng ông K và bà P vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thì ông K và bà P phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán dứt khoản nợ là có cơ sở.

[2.3] Ngân hàng không yêu cầu lãi chậm trả đối với số tiền lãi trong hạn, quá hạn, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Các đương sự có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng H và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4012/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế chấp: Ngân hàng A và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4013/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc. Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp trên nhưng ông K và bà P vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Ông K và bà P phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3]. Về yêu cầu của bị đơn (ông K): Ngày 28/4/2021 ông K đã có ý kiến xin Ngân hàng cho 02 tháng để chuẩn bị tiền trả Ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000đồng (tiền phải trả của năm thứ 2 theo hợp đồng) cộng tiền lãi 65.066.091 đồng. Số tiền còn lại vợ chồng sẽ thanh toán vào năm 2022. Đối với yêu cầu của ông K không được Ngân hàng chấp nhận vì ông K và bà P đã vi phạm việc trả lãi hàng tháng Xét yêu cầu của ông K đưa ra là không có căn cứ, do vậy HĐXX không chấp nhận.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Áp dụng Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ng Văn K phải chịu số tiền là 14.397.810 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà PhThị P phải chịu số là 14.397.810 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5.2] Tiền tạm ứng án phí: Ngân hàng H không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng H số tiền là 13.292.521 đồng (Mười ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000496 ngày 09/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 317, 318, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát

triển nông thôn Việt Nam (*Tên viết tắt: Agribank*);

2. Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 đã ký giữa bên cho vay: Ngân hàng H, bên vay vốn: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa bên nhận thế chấp: Ngân hàng A và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4012/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế chấp: Ngân hàng H và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Số công chứng 4013/2018 ngày 17/9/2018. Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc ; giữa Ngân hàng H với ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có hiệu lực pháp luật là hợp pháp;

2.1. Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Điện Biên khoản nợ gốc + nợ lãi đến hạn, lãi quá hạn được tính đến ngày xét xử ngày 29/9/2021 tại Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201802486 ngày 18/09/2018 là: **619.890.528** đồng (*Sáu trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*), gồm:

- Tiền nợ gốc: **499.560.000** đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Lãi trong hạn: 108.844.225 đồng (*Một trăm linh tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);

- Lãi quá hạn là 11.486.303 đồng (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh ba đồng*);

Chi tiết (tại Văn bản số 6338/NHNo-TD ngày 14/7/2021 V/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến Covid-19 và văn bản số 539/NHNoHĐB ngày 29/9/2021 V/v tính giảm lãi cụ thể cho khách hàng).

2. 1. Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có trách nhiệm trả cho Agribank thông qua Ngân hàng H, tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký và tại Văn bản số 6338/NHNo-TD ngày 14/7/2021 V/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến Covid-19 và văn bản số 539/NHNoHĐB ngày 29/9/2021 V/v tính giảm lãi cụ thể cho khách hàng) cụ thể:

+ Lãi suất trong hạn là: 9,9%/năm;

+ Lãi suất quá hạn là: 14,85%/năm.

3. Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 340/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế

chấp: Ngân hàng H và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Đất ở 144 m² ; Thửa đất số 68 ; Tờ bản đồ 46 ; Địa chỉ thửa đất tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM123316. Số vào sổ cấp GCN: CS 42051 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 10/09/2018 mang tên ông Ng Văn K và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 339/2018/HĐTC ngày 17/09/2018 đã ký giữa Bên nhận thế chấp: Ngân hàng H và bên thế chấp: Ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P. Đất ở 120 m² ; Thửa đất số 69; Tờ bản đồ 46; Địa chỉ thửa đất tại Bản K, phường N T, thành phố Đ P, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM123315. Số vào sổ cấp GCN: CS 42050 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 10/09/2018 mang tên ông Nghiêm Văn K.

4. Agribank không yêu cầu ông Ng Văn Kh và bà Ph Thị P trả lãi chậm trả đối với số tiền lãi đã khởi kiện.

5. Về án phí:

5.1. Ông Ng Văn K phải chịu số tiền là 14.397.810 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Ph Thị P phải chịu số tiền là 14.397.810 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5.2. Tiền tạm ứng án phí: Ngân hàng H không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng H số tiền là 13.292.521 đồng (Mười ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000496 ngày 09/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền